

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 61/2003/TT-BTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 23 tháng 6 năm 2003

THÔNG TƯ

Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2004

Thực hiện Chỉ thị số 15/2003/CT-TTg ngày 12 tháng 6 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2004; Bộ Tài chính hướng dẫn công tác đánh giá tình hình thực hiện ngân sách nhà nước năm 2003 và xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2004 như sau:

A - ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2003:

Để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ NSNN đã được Quốc hội quyết định, các Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2003 đã được Thủ tướng Chính phủ giao, phát huy những kết quả quan trọng đã đạt được của 6 tháng đầu năm, trong 6 tháng cuối năm 2003 tập trung thực hiện đầy đủ các giải pháp đã đề ra theo Nghị quyết số 09/2002/QH11 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2003 của Quốc hội, Nghị quyết số 02/2003/NQ-CP ngày 17/01/2003 của Chính phủ về một số chủ trương, giải pháp chủ yếu cần tập trung chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2003. Phần đầu hoàn thành vượt mức toàn diện các chỉ tiêu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, NSNN, tạo cơ sở xây dựng và thực hiện tốt nhiệm vụ kế hoạch kinh tế - xã hội, tài chính NSNN năm 2004.

I/ Đánh giá tình hình thực hiện thu NSNN năm 2003 làm cơ sở lập dự toán thu NSNN năm 2004:

1/ Tổ chức thực hiện nhiệm vụ thu NSNN 6 tháng cuối năm 2003:

Trên cơ sở kết quả tổ chức đánh giá tình hình thu NSNN 6 tháng đầu năm, phân tích rõ các nguyên nhân chủ quan, khách quan tăng, giảm thu NSNN để đề ra và thực hiện tốt các biện pháp tổ chức thu 6 tháng cuối năm:

Thực hiện thu đủ, kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí, các khoản thu từ đất đai và thu khác vào ngân sách theo đúng quy định của pháp luật; tăng cường các biện pháp chống nợ đọng thuế, xử lý nghiêm minh các trường hợp chiếm dụng hoặc giữ lại nguồn thu phải nộp ngân sách nhà nước.

Tập trung lực lượng cán bộ thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra các đối tượng nộp thuế, phát hiện, xử lý kịp thời mọi hành vi gian lận, các vi phạm pháp luật về thuế, tăng cường công tác kiểm tra xác định và tổ chức thu hồi kịp thời, đầy đủ cho NSNN số tiền hoàn thuế giá trị gia tăng đã bị gian lận.

Phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan Thuế, Hải quan, Địa chính, Quản lý thị trường, Ngân hàng thương mại, cơ quan Quản lý đăng ký kinh doanh, cơ quan ngoại vụ, cơ quan quản lý xuất nhập cảnh ... trong việc cung cấp đầy đủ, kịp thời các tài liệu, thông tin có liên quan đến đối tượng nộp thuế cho cơ quan thuế để có cơ sở phục vụ cho công tác quản lý thu thuế đạt hiệu quả cao.

Thực hiện giao đất, cho thuê đất theo phương thức đấu giá quyền sử dụng đất theo Quyết định số 22/2003/QĐ-BTC ngày 18/2/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về cơ chế tài chính trong việc sử dụng quỹ đất tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng, nhằm thu đúng, đầy đủ cho ngân sách nhà nước.

Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp... và chính quyền địa phương các cấp, tăng cường quản lý chặt chẽ các hoạt động văn hóa, nghệ thuật và các dịch vụ văn hoá - xã hội mang tính chất kinh doanh để quản lý các khoản thu nhập phát sinh, thu thuế kịp thời tại "gốc" đúng quy định của pháp luật đối với những khoản thu nhập thuộc diện chịu thuế của cá nhân tham gia các hình thức trên, yêu cầu các đơn vị, tổ chức phải thực hiện đúng quy định khấu trừ tiền thuế phải nộp để nộp vào ngân sách nhà nước trước khi chi trả thu nhập cho các đối tượng.

Đẩy mạnh việc tuyên truyền, giải thích, hướng dẫn đối tượng nộp thuế để mọi tổ chức, cá nhân hiểu rõ các chính sách thuế, các qui định về tính thuế, kê khai thuế và nộp thuế kịp thời vào ngân sách nhà nước theo chế độ quy định.

Đối với công tác thu thuế từ hoạt động xuất nhập khẩu:

Cục Hải quan các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tăng cường kiểm tra việc thực hiện Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng.

Đẩy nhanh việc áp dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý xuất nhập khẩu và thu thuế hàng hoá xuất nhập khẩu tại các cửa khẩu; tăng cường công tác chống buôn lậu, kiểm tra sau thông quan và đơn đốc thu hồi những khoản nợ đọng vào NSNN; nâng cao trách nhiệm và tập trung giải quyết những vướng mắc phát sinh để tạo thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu.

2/ Đánh giá tình hình thực hiện thu NSNN năm 2003 làm cơ sở xây dựng dự toán thu NSNN năm 2004:

Căn cứ vào tình hình thực hiện thu 6 tháng đầu năm, đánh giá kết quả thu năm 2003 trên cơ sở thực hiện các biện pháp phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức dự toán được giao tại Quyết định số 158/2002/QĐ-BTC ngày 24/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; trong đó tập trung phân tích một số nội dung sau:

Xác định rõ số tiền thuế tồn đọng năm 2002 chuyển sang, số thu phát sinh trong năm, đảm bảo thu đủ, kịp thời trong năm 2003, không để nợ đọng thu chuyển sang năm 2004 trái chế độ quy định. Kiểm tra xử lý, xử phạt đối với những đơn vị, cá nhân tự ý chiếm dụng các khoản phải nộp NSNN sử dụng vào các việc khác, nghiêm cấm việc chiếm dụng ngân sách để đầu tư, thực hiện đúng Nghị quyết số 02/2003/NQ-CP ngày 17/1/2003 của Chính phủ kiên quyết không xử lý ghi thu, ghi chi đối với những khoản thu phải nộp ngân sách. Từ năm 2003 thủ trưởng cơ quan thuế phải chịu trách nhiệm xử lý kịp thời, không để đơn vị sản xuất kinh doanh thuộc phạm vi quản lý chiếm dụng khoản thuế để đầu tư hoặc sử dụng vào việc khác trái chế độ quy định.

Phân tích các nguyên nhân tác động đến kết quả thực hiện thu năm 2003: Tình hình thực hiện so với kế hoạch đối với các chỉ tiêu về sản lượng sản phẩm chủ yếu, sản xuất và tiêu thụ, giá thành, giá bán,...

Phân tích ảnh hưởng của chế độ, chính sách bổ sung, sửa đổi đối với nguồn thu trên địa bàn.

a) Đối với khu vực doanh nghiệp nhà nước:

Đánh giá, phân tích tình hình thực hiện sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước theo Chỉ thị số 01/2003/CT-TTg ngày 16/1/2003 của Thủ tướng Chính phủ.

Nắm chắc tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp; thực trạng vốn - tài sản, công nợ, biến động tăng giảm về nguyên giá tài sản cố định, các năng lực sản xuất mới tăng thêm - Số lượng lao động - Tiền lương - Doanh thu - Chi phí sản xuất - Các định mức kinh tế kỹ thuật - Tình hình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chủ yếu- Lợi nhuận thực hiện và các khoản nộp ngân sách. Những khó khăn và thuận lợi trong năm 2003 và khả năng phát triển trong năm 2004.

b) Đối với khu vực công thương nghiệp và dịch vụ ngoài quốc doanh:

Đối với khu vực này cần đánh giá theo hai loại đối tượng: doanh nghiệp ngoài quốc doanh và hộ cá thể sản xuất kinh doanh

Doanh nghiệp ngoài quốc doanh: nắm chắc số lượng, quy mô đầu tư, kết quả, hiệu quả sản xuất kinh doanh của toàn bộ các doanh nghiệp trên địa bàn, nhất là những đơn vị được thành lập mới trong năm theo Luật doanh nghiệp, trong đó số đơn vị đã đăng ký mã số thuế; số doanh nghiệp đã giải thể, phá sản hoặc chấm dứt hoạt động.

Hộ sản xuất kinh doanh: Số đối tượng năm 2002 nộp thuế theo phương pháp ấn định chuyển sang nộp thuế theo phương pháp kê khai; số đối tượng nộp thuế theo phương pháp trực tiếp chuyển sang nộp thuế theo phương pháp khấu trừ. Số hộ kinh doanh đã thực hiện mở sổ sách kế toán.

Đánh giá tình hình kê khai và nộp thuế của các đối tượng nộp thuế; kết quả thực hiện biện pháp kiểm soát thuế giá trị gia tăng đầu vào, thuế giá trị gia tăng đầu ra, doanh số, chi phí và thu nhập chịu thuế, so sánh với năm trước.

Đánh giá mức độ thất thu đối với khu vực này, phân tích đánh giá rõ nguyên nhân và giải pháp khắc phục.

c) Đối với khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài:

Tổng số doanh nghiệp đã được cấp giấy phép, số còn hiệu lực, số giấy phép hết hiệu lực; trong đó: số đã đi vào sản xuất kinh doanh, số doanh nghiệp đang xây dựng, số doanh nghiệp chưa triển khai đến năm 2003 và khả năng phát triển năm 2004. Số doanh nghiệp đang trong thời gian ưu đãi miễn, giảm thuế năm 2004 và các năm tiếp theo.

Tổng số lao động, tổng quỹ tiền lương, doanh thu, chi phí và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

d) Đối với thuế sử dụng đất nông nghiệp: Trên cơ sở sổ bộ thuế sử dụng đất nông nghiệp đánh giá kết quả khai thác thêm diện tích đến hạn chịu thuế vào sổ bộ thuế; việc thực hiện miễn thuế theo Nghị quyết của Quốc hội khoá XI kỳ họp thứ 3; việc quản lý thu thuế các đối tượng không phải là nông dân có tham gia sản xuất nông nghiệp, hộ tập thể và hộ có diện tích đất sản xuất nông nghiệp vượt hạn điền.

e) Thu tiền thuê đất: Tổng hợp diện tích đất đã lập bộ đề quản lý thu so với quỹ đất cho thuê ở trên địa bàn quản lý. Đánh giá tình hình triển khai quản lý thu tiền cho thuê đất, giá đất cho thuê và diện tích thuộc diện nộp tiền thuê đất. Tình hình nợ đọng trên địa bàn. Phân tích rõ nguyên nhân và thực hiện kịp thời các giải pháp khắc phục.

g) Phí và lệ phí: Đánh giá tình hình thu nộp phí, lệ phí của các tổ chức ở Trung ương, tỉnh, huyện, xã có thu phí, lệ phí theo Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 3/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí: Tổng hợp đánh giá đầy đủ về số thu, số được phép để lại, số nộp NSNN.

h) Đối với thu từ hoạt động xuất nhập khẩu:

Đánh giá tình hình thực hiện kim ngạch xuất khẩu, kim ngạch nhập khẩu trong đó kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu chịu thuế của từng loại hàng hoá, nhóm hàng hoá chủ yếu.

Đánh giá, phân tích những tác động của thị trường giá cả trong và ngoài nước, chính sách xuất nhập khẩu, chính sách thu,... ảnh hưởng đến kết quả thu ngân sách từ hoạt động xuất nhập khẩu năm 2003.

Xác định thu NSNN tồn đọng năm 2002, số phải thu năm 2003, số đã thu năm 2003, số chuyển sang thu năm 2004 theo chế độ.

II/ Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách năm 2003 làm cơ sở lập dự toán chi NSNN năm 2004:

1 - Về chi đầu tư xây dựng cơ bản: Tập trung tiến hành đánh giá khả năng thực hiện khối lượng và thanh toán đối với toàn bộ các dự án, công trình của nhiệm vụ năm 2003. Những kết quả đạt được và tồn tại cần xử lý, phân tích nguyên nhân và các giải pháp khắc phục.

Đối với chi xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, các công trình phúc lợi xã hội, phát triển quỹ nhà, đầu tư phát triển nông nghiệp và nông thôn, chi tái tạo quỹ rừng của ngân sách địa phương; trên cơ sở số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương cho địa phương theo số thu từ các nguồn thu giao quyền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước, thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế tài nguyên rừng, để đánh giá khả năng thực hiện nhiệm vụ chi XDCB từ nguồn vốn này cho phù hợp.

Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức thực hiện và tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện Chi thị số 03/2003/CT-TTg ngày 7/3/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc xử lý các khoản nợ của ngân sách xã.

2- Đối với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình 135 và dự án trồng mới 5 triệu ha rừng: Trên cơ sở dự toán kinh phí đã được giao và tiến độ thực hiện, cơ quan chủ quản chương trình mục tiêu quốc gia, dự án và các địa phương cần đánh giá khối lượng công việc thực hiện cả năm 2003 chi tiết từng chương trình, dự án; tình hình quản lý, điều hành và kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu theo Quyết định số 42/2002/QĐ-TTg ngày 19/3/2002 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 135/1998/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 và Quyết định số 138/2000/QĐ-TTg ngày 29/11/2000 của Thủ tướng Chính phủ về chương trình 135; Quyết định số 661/QĐ-TTg ngày 29/7/1998 về mục tiêu, nhiệm vụ, chính sách và tổ chức thực hiện dự án trồng mới 5 triệu ha rừng.

3- Đối với các khoản chi thường xuyên: Căn cứ vào dự toán ngân sách được giao đầu năm và tiến độ thực hiện các nhiệm vụ để đánh giá khả năng thực hiện cả năm, sử dụng NSNN và kết quả thực hiện khối lượng, chất lượng nhiệm vụ kinh tế - xã hội của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương và đơn vị, trong đó tập trung đánh giá tình hình thực hiện các chương trình, dự án lớn như: chương trình giống, xúc tiến thương mại, đo đạc đất đai, đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật ở nước ngoài, đề tài khoa học cấp nhà nước,... phân tích rõ cơ cấu chi thường xuyên, chi về tiền lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi trích theo lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn,...), các khoản chi nghiệp vụ thường xuyên và các khoản chi đột xuất hoặc không có tính chất thường xuyên (mua sắm, sửa chữa,...). Đánh giá và báo cáo tình hình thực hiện chi mua sắm ô tô, trang bị sử dụng điện thoại, chi thuê, mua trụ sở làm việc, chi hội nghị, tiếp khách. Đánh giá tình hình thực hiện Nghị định 10/2002/NĐ-CP ngày 16/1/2002 của Chính phủ về chế độ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp có thu, đánh giá kết quả thực hiện khoán chi hành chính theo Quyết định số 192/2001/QĐ-TTg ngày 17/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ.

Đánh giá việc triển khai thực hiện cải cách tiền lương 2003: Số biên chế tăng, giảm trong năm, số tăng chi để thực hiện chế độ tiền lương mới; kết quả tạo nguồn làm lương theo quy định: Từ tiết kiệm 10% chi thường xuyên không kể tiền lương, các khoản có tính chất lương; từ 35-40% nguồn thu được để lại theo chế độ; từ nguồn 50% tăng thu đối với ngân sách địa phương.

4- Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: phải căn cứ vào khả năng thu để tổ chức điều hành chi; phân đầu tăng thu và dành tối thiểu 50% số tăng thu năm 2003 so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao phân ngân sách địa phương được hưởng để xử lý tiền lương năm 2003 và gởi đầu cho ngân sách năm 2004 theo đúng quy định tại Nghị quyết số 09/2002/QH11 ngày 28/11/2002 của Quốc hội khoá XI kỳ họp thứ 2 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2003 và Nghị định số 03/2003/NĐ-CP ngày 15/1/2003 của Chính phủ về việc điều chỉnh tiền lương, trợ cấp xã hội và đổi mới một bước cơ chế quản lý tiền lương. Chủ động sử dụng trong phạm vi 50% số tăng thu còn lại để bố trí tăng chi, trong đó cần tập trung cho những nhiệm vụ chi quan trọng; ưu tiên thanh toán các khoản nợ, nhất là khoản nợ của ngân sách xã theo tinh thần Chỉ thị số 03/2003/CT-TTg ngày 7/3/2003 của Thủ tướng Chính phủ; xử lý các nhiệm vụ đột xuất phát sinh như khắc phục hậu quả hạn hán, cháy rừng, thiên tai khác; không bổ sung cho những nhiệm vụ chưa cấp thiết thuộc lĩnh vực chi quản lý hành chính nhà nước, hạn chế chi mua sắm, sửa chữa những trang thiết bị chưa thực sự cần thiết.

B - XÂY DỰNG DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2004:

Năm 2004 là năm đầu thực hiện Luật Ngân sách nhà nước đã được Quốc hội khoá XI, kỳ họp thứ hai thông qua ngày 16/12/2002, đồng thời cũng là năm triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của thuế tiêu thụ đặc biệt, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp (sửa đổi). Vì vậy, yêu cầu các cấp, các ngành quán triệt đầy đủ, tập trung chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện đúng theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các luật thuế nêu trên.

I/ Mục tiêu, yêu cầu đối với công tác xây dựng dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2004:

1- Mục tiêu:

Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2004 đảm bảo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2004 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005 của Nhà nước, của từng Bộ, ngành, địa phương.

Dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2004 trên cơ sở tiếp tục thực hiện chính sách động viên hợp lý góp phần tích cực tạo môi trường ổn định, thuận lợi cho sản xuất - kinh doanh nhằm thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển, phấn đấu nhịp độ tăng trưởng kinh tế không thấp hơn 7,5% GDP. Phấn đấu giảm chi phí sản xuất, tăng sức cạnh tranh và hiệu quả nền kinh tế, ổn định kinh tế vĩ mô; tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế, sắp xếp, đổi mới phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước; tạo nguồn thu ổn định, vững chắc, thực hiện những nhiệm vụ quan trọng góp phần tăng đầu tư xã hội, tăng tiềm lực tài chính của đất nước, tạo đà cho bước phát triển của các năm tiếp theo, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ tài chính - ngân sách giai đoạn 2001 - 2005.

Dự toán chi ngân sách nhà nước tập trung bố trí ngân sách thực hiện những nhiệm vụ quan trọng của đất nước: Các công trình trọng điểm quốc gia, các dự án thuộc Chương trình 135, dự án trồng mới 5 triệu ha rừng, tạo cơ chế hỗ trợ phát triển nhanh đối với các vùng kinh tế trọng điểm; chú trọng đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các tỉnh miền núi phía Bắc, Tây nguyên, đồng bằng sông Cửu Long; phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ theo Nghị quyết Trung ương 2 (khoá VIII); tăng mức đầu tư phát triển lĩnh vực y tế, văn hoá, xã hội...trên cơ sở đảm bảo thực hiện chính sách, chế độ đối với từng ngành, từng vùng; đồng thời đẩy mạnh xã hội hoá các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hoá, thể dục thể thao; thực hiện triệt để tiết kiệm chống lãng phí; tăng cường công tác xoá đói giảm nghèo, giải quyết các vấn đề bức xúc của xã hội; củng cố quốc phòng, an ninh, giữ vững trật tự an toàn xã hội. Thực hiện đầy đủ cơ chế mới về quản lý tài chính, quản lý biên chế, phát triển nhiệm vụ chuyên môn đối với đơn vị sự nghiệp theo Nghị định số 10/2002/NĐ-CP ngày 16/01/2002 của Chính phủ và tiếp tục mở rộng thí điểm khoán